

Bản án số: 54/2023/HS - ST.
Ngày: 20/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu và ông Nguyễn Quang Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Thanh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2023/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Quang N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 9 năm 1975, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Ngọc S, sinh năm 1951; con bà Trần Thị T, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; con: Có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/6/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Chống người thi hành công vụ”

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2023, sau đó bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 15/6/2023 đến ngày 18/6/2023), có mặt.

2. Hồ Tá T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1988, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Tá T, sinh năm 1960 con bà Trần Thị Đ, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/5/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Trần Cảnh L; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 7 năm 1977, tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Cảnh L (đã mất); con bà Hoàng Thị B (đã mất) vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1977; con: Có 04 con: Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 22/5/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Quang N và bị cáo Trần Cảnh L:* Ông Nguyễn Thái T – Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị hại:*

Công ty cổ phần tập đoàn T; đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, Cán bộ phòng Kế hoạch – kỹ thuật; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, văn bản ủy quyền ngày 21/4/2023, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt

3. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Chị Dương Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Nông Trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Tam Hương, xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

6. Anh Dương Đức Dũng, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Nông Trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

7. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

8. Chị Trần Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

9. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

11. Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

12. Ông Đoàn Kim K, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 26, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt

13. Chị Hồ Thị Thúy T, sinh năm 1986; địa chỉ: K65/44, tổ 42, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Chị Lê Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 22, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

15. Anh Dương Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã Tân T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

16. Chị Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

17. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 97, N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 14/3/2023, Hồ Tá T và Hoàng Quang Nđang ngồi nhậu với nhau tại nhà của N ở thôn Tam H, xã P thì T rủ N đến Hội trường Nông trường 3 của Công ty Cổ phần Lậtrộm gỗ keo trầm (của Công ty T khai thác làm đường cao tốc đang tập kết ở đây) để kiểm tiền ăn nhậu thì N đồng ý. Khoảng 22 giờ 30, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, BKS 43T2-4770 chở theo N ngồi sau kéo theo xe lôi (hay còn gọi là xe ba gác) xe này do Tmượn của bà Trần Thị T, ở thôn T, xã P đi đến điểm tập kết gỗ keo trầm. Hồ Tá T gọi điện thoại thuê anh Huỳnh Thanh T, ở thôn T, xã P đến để phụ bốc keo trầm. Sau đó, cả ba người cùng nhau bốc gỗ keo trầm bỏ lên xe rồi T điều khiển xe mô tô chở N kéo xe lôi chở gỗ keo trầm đưa về sân nhà của N để cất giấu. Sau khi phụ bốc được 03 xe gỗ keo trầm thì anh T không bốc nữa nên T chở anh T về nhà và trả cho anh T số tiền 120.000 đồng. Một lúc sau, T và N tiếp tục bốc trộm thêm 02 (hai) xe gỗ keo trầm và đưa về nhà N để cất giấu.

Đến tối ngày 15/3/2023, Hồ Tá T, Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và chị Nguyễn Thị L (là vợ của N) cùng nhau bốc vỏ số gỗ keo trầm trộm được. Bốc được một lúc thì chị L đi ngủ nên T gọi điện thoại thuê chị Dương Thị L ở tổ Dân phố 1, thị trấn Nông Trường L và chị Nguyễn Thị T ở thôn T, xã P đến bốc vỏ số gỗ keo trầm trên. Sau khi bốc vỏ xong, T điện thoại cho Nguyễn Bá H ở thôn T, xã P thuê xe máy cày đầu ngang đến để chở gỗ đi bán. Sau đó T, N và Trần Cảnh L cùng nhau bốc số gỗ keo trầm lên xe H. Sáng 16/3/2023, H chở số gỗ keo trầm trên đến Công ty C (xã P, huyện L) cân được 3.340kg và bán với giá 3.040.000 đồng. Số tiền trên H đưa cho T, sau đó T trả cho H 400.000đồng tiền công thuê xe vận chuyển. Sau đó, T đã sử dụng để trả tiền công và mua bia, nước uống hết 800.000 đồng, số tiền còn lại 1.840.000 đồng T cất giữ và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: 3.340kg keo trầm có trị giá là: 3.115.000 đồng.

Ngoài ra, Hoàng Quang N, Hồ Tá T, Trần Cảnh L và Trần Quốc V còn thực hiện trộm cắp tài sản sau: Khoảng 22h30 ngày 16/3/2023, Hồ Tá T cùng với Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và Trần Quốc V, ở thôn T, xã P đang ngồi nhậu với nhau tại nhà của N thì cả bốn người cùng rủ nhau đi đến Hội trường Nông trường 3 của Công ty Cổ phần L để trộm cắp gỗ keo trầm đem bán kiểm tiền ăn nhậu. Hồ Tá T mượn xe lôi của bà Trần Thị T ở thôn T, xã P rồi điều khiển xe mô tô BKS 43T2-4770 chở theo Hoàng Quang Nngồi sau kéo theo xe lôi. Trần Quốc V điều khiển xe mô tô BKS 43G1-29981 của V kéo theo 01 xe lôi. Trần Cảnh L điều khiển xe mô tô BKS 73HA-6705 đi đến Hội trường Nông trường 3 của Công ty Cổ phần L. Khi đến nơi thì cả bốn người cùng nhau bốc gỗ keo trầm lên 02 xe lôi. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 43T2- 4770 chở theo L kéo theo 01 xe lôi chở gỗ keo trầm, V điều khiển xe mô tô BKS 43G1- 29981 chở theo N kéo theo kéo theo sau 01 xe lôi chở gỗ keo trầm đưa về nhà N cất giấu. Một lúc sau, T chở L đến Hội trường Nông trường 3 để L lấy xe, sau đó do say rượu nên T đã về nhà ngủ còn V

đến quán H để nhậu cùng với bạn. Sau khi T về ngủ, V đi nhậu thì L cùng N tiếp tục sử dụng xe mô tô BKS 77S3-3005 của N kéo theo xe lôi tiếp tục trộm cắp thêm 03 xe lôi gỗ keo trầm rồi đưa về cất giấu tại nhà của N. Tổng cộng 05 xe lôi gỗ keo trầm cân được 3.830 kg.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: 3.830 kg keo trầm có trị giá là: 3.575.000 đồng.

Việc tạm giữ, thu giữ và xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy tiến hành tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn xanh (đã mất biển số);
- 01 giấy đăng kí xe mô tô tên chủ xe Hoàng Quang N- 1975;
- 3.830 kg gỗ keo trầm đã bóc vỏ;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110, màu đỏ đen bạc, BKS 43T2-4770;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen, BKS 43G1-299.81;
- 01 xe lôi (xe ba gác) tự chế bằng kim loại, thùng xe có kích thước 1,6x1,05x0,4m, cang xe dài 1,4m, trục xe có đường kính 0,6 m, rộng 1,3m, cao 0,35m;
- 1.840.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Ngày 23/5/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại: 3.830 kg gỗ keo trầm đã bóc vỏ cho anh Lê Thanh T (là người quản lý hợp pháp được Công ty Cổ phần Tập đoàn T ủy quyền).

Về dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần tập đoàn T (anh Lê Thanh T) đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Riêng xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn xanh; 01 giấy đăng kí xe mô tô tên chủ xe Hoàng Quang N; xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110, màu đỏ đen bạc; xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen; xe lôi (xe ba gác) tự chế bằng kim loại; 1.840.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 43/CT- VKSNDLT ngày 07/8/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy các tổ bị cáo Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và Hồ Tá T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt Hoàng Quang N từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt Hồ Tá T 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Cảnh L 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét

Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả lại cho chị Hồ Thị Thúy T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110, màu đỏ đen bạc, BKS 43T2-4770;

- Trả lại cho Trần Thị T (vợ Trần Quốc V) 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen, BKS 43G1-299.81; 01 xe lô (xe ba gác) tự chế bằng kim loại, thùng xe có kích thước 1,6x1,05x0,4 m, cang xe dài 1,4 m, trục xe có đường kính 0,6 m, rộng 1,3 m, cao 0,3m;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L và Hoàng Quang N 01 xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn: xanh, (mất biển số); 01 giấy đăng kí xe mô tô tên chủ xe Hoàng Quang N;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.840.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Quang N và Trần Cảnh L:

Ông Nguyễn Thái T nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, trình bày hoàn cảnh của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nghị tại các điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Quang N mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng và áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Điều 36 để xử phạt Trần Cảnh L mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đã nhận thức được tội lỗi của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tự nguyện bồi thường thiệt hại. Ngoài ra bố bị cáo Hoàng Quang N là người có công với cách mạng được thưởng Huy chương kháng chiến, bố mẹ già yếu; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, khắc phục những lỗi lầm.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo có ý kiến đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lê Thủy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và Hồ Tá T đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn T. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/3/2023 đến ngày 16/3/2023, tại Hội trường Nông trường 3 của Công ty Cổ phần L bị cáo Hoàng Quang N đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở, trong việc quản lý của chủ sở hữu để lén lút đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản gây thiệt hại 6.690.000 đồng (sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng); Trần Cảnh L trộm cắp 01 vụ gây thiệt hại 3.575.000 đồng và Hồ Tá T trộm cắp 01 vụ gây thiệt hại 3.115.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và Hồ Tá T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Hồ Tá T: Là người trực tiếp rủ rê bị cáo N và bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và dùng xe mô tô BKS 43T2- 4770, mượn xe ba gác để vận chuyển keo trầm để lấy trộm tài sản. Số tiền bán được T đã sử dụng để trả tiền công và mua bia, nước uống. Số tiền còn lại 1.840.000 đồng T cất giữ, sau đó giao nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với bị cáo Trần Cảnh L: Khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã đồng ý cùng N, T và V đi trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo Hoàng Quang N: Khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã đồng ý trực tiếp ngồi lên xe của Hồ Tá T để đi trộm cắp. Ngoài ra trong ngày 16/3/2023 các bị cáo Hoàng Quang N, Trần Cảnh L và Hồ Tá T cùng Trần Quốc V đi trộm cắp tài sản, N đã sử dụng xe mô tô BKS 77S3- 3005 (đã mất biển số) của mình để làm phương tiện đi trộm cắp.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hoàng Quang N phạm tội 2 lần trở lên, thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Cảnh L và bị cáo Hồ Tá T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Trần Cảnh L: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hồ Tá T: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả đây là các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có hoàn gia đình khó khăn, bố vừa mới mất, mẹ già yếu.

Đối với bị cáo Hoàng Quang N: Sau khi phạm tội luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ngoài ra bị cáo Hoàng Quang N là người có công với cách mạng quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Cảnh L và Hồ Tá T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo L có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo L, nhưng bị cáo T là người rủ rê bị cáo N trộm cắp, dùng xe mô tô của mình làm phương tiện trộm cắp, số tiền bán keo trầm, bị cáo T tự ý sử dụng chi tiêu. Bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo có nhân thân xấu, lại phạm tội 2 lần trở lên. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Hoàng Quang N với mức hình phạt nặng hơn so với bị cáo Hồ Tá T và xử phạt Hồ Tá T nặng hơn bị cáo Trần Cảnh L.

Xét các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản với mục đích kiếm tiền ăn nhậu, suy nghĩ đơn giản, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, Hoàng Quang N phải nuôi bố mẹ già yếu, con còn nhỏ; Trần Cảnh L hiện tại nuôi dưỡng mẹ già; Hồ Tá T có bố mới mất, mẹ già yếu. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết trên để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy cũng chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là vừa phải, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, là phù hợp với quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, cũng như phù hợp với ý kiến, phân tích, đánh giá của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Qua xét hỏi thấy các bị cáo không có công việc ổn định, thu nhập thấp cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Trong vụ án chị Hồ Thị Thúy T (chị gái của bị cáo T không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43T2- 4770 của chị làm phương tiện trộm cắp nên không phạm tội; chị Trần Thị T (vợ của Trần Quốc V) không biết Trần Quốc V sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43G1- 29981 của gia đình chị làm phương tiện trộm cắp nên không xử lý; bà Trần Thị T cho Hồ Tá T mượn xe lôi (xe ba gác), nhưng bà không biết bị cáo Trọng sử dụng xe kéo tự chế của gia đình bà làm phương tiện trộm cắp nên không phạm tội.

Trong vụ án này, Hồ Tá T, Trần Quốc V lấy trộm 02 xe lôi gỗ keo trầm vào đêm 16/3/2023 có giá trị 448.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện Lệ Thủy để xử lý hành chính theo thẩm quyền.

Đối với Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị L, Dương Thị L, Nguyễn Thị T và Trần Cảnh L là những người được nhờ bóc gỗ keo trầm và thuê bóc vỏ gỗ keo trầm trong 02 vụ trộm cắp tài sản nói trên nhưng những người này không tham gia trộm cắp, không biết số gỗ keo trầm trên do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Đối với Nguyễn Bá H, người được Hồ Tá T điện thoại để thuê xe máy cày đầu ngang chở gỗ keo trầm đi bán nhưng H không biết số gỗ keo trầm trên do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Theo đơn trình báo của Công ty Cổ phần tập đoàn T thì tổng số gỗ keo trầm của Công ty đang tập kết tại Nông trường của Công ty L bị mất trộm là khoảng 20 tấn. Tuy nhiên quá trình điều tra vụ án có đủ căn cứ để xác định Hoàng Quang N, Hồ Tá T và Trần Cảnh L cùng Trần Quốc V chỉ tham gia trộm cắp 02 vụ trộm với tổng khối lượng

là 7.170kg. Đối với số lượng gỗ keo trầm bị mất còn lại, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn xanh (mất biển số);
- 01 (một) giấy đăng kí xe mô tô tên chủ xe Hoàng Quang N - 1975;
- 3.830 kg gỗ keo trầm đã bóc vỏ do Hoàng Quang N giao nộp.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110, màu đỏ đen bạc, BKS 43T2-4770 do Hồ Tá Trọng giao nộp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen; 01 (một) xe lôi (xe ba gác) tự chế bằng kim loại, thùng xe có kích thước 1,6x1,05x0,4 m, cang xe dài 1,4 m, trục xe có đường kính 0,6 m, rộng 1,3 m, cao 0,35 m do Trần Quốc V giao nộp.

- 1.840.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam do Hồ Tá T giao nộp.

Các vật chứng này được xử lý như sau:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát BKS 43T2-4770 nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen; tại phiên tòa chị Hồ Thị Thúy T vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra chị T trình bày: Chiếc xe là tài sản của chị cho Hồ Tá T mượn để đi lại, việc T dùng chiếc xe này để làm phương tiện trộm cắp chị hoàn toàn không biết. Nay cơ quan Điều tra đã thu giữ chị đề nghị cho chị được nhận lại chiếc xe để chị làm phương tiện phục vụ cuộc sống.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 43G1- 29981 nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen; loại xe Sirius và 01 xe lôi (xe ba gác) tự chế bằng kim loại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Trần Thị T (vợ Trần Quốc V) trình bày: Chiếc xe mô tô và xe ba gác là tài sản của gia đình chị, việc Trần Quốc V dùng 02 chiếc xe này để làm phương tiện trộm cắp chị hoàn toàn không biết. Nay cơ quan Điều tra đã thu giữ, chị đề nghị cho chị được nhận lại chiếc xe mô tô và xe ba gác để chị làm phương tiện phục vụ cuộc sống.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn xanh (mất biển số) của Hoàng Quang N và 01 giấy đăng kí xe mô tô tên Hoàng Quang N - 1975, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L (vợ bị cáo N trình bày) trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR là tài sản do Hoàng Quang N mua năm 2001, tuy nhiên khi về sống chung Hoàng Quang N đã đưa chiếc xe này thành khối tài sản chung của vợ chồng, chị L đã dùng chiếc xe này để chở con đi học, sinh hoạt hàng ngày. Việc Hoàng Quang N dùng chiếc xe này để làm phương tiện trộm cắp chị hoàn toàn không biết. Nay cơ quan Điều tra đã thu giữ, chị đề nghị cho gia đình chị được nhận lại chiếc xe mô tô để gia đình chị làm phương tiện phục vụ cuộc sống.

Qua trình bày của chị T, chị T và chị L, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số tiền 1.840.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 3.830 kg gỗ keo trầm đã bóc vỏ do Hoàng Quang N giao nộp đã trả lại cho Công ty Cổ phần tập đoàn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn T (anh Lê Thanh T) đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Quang N, Hồ Tá T, Trần Cảnh L phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quang N 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 03 ngày tạm giữ trước, được quy đổi thành 09 ngày Cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành là 29 tháng 21 ngày Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hoàng Quang N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hồ Tá T 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hồ Tá Trọng cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Cảnh L 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Trần Cảnh L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo

Thời hạn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ vắng mặt, thay đổi nơi cư trú hoặc làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự xử:

Trả lại cho chị Hồ Thị Thúy T 01 xe mô tô biển kiểm soát BKS 43T2-4770 nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen;

Trả lại cho chị Trần Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát 43G1- 29981 nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen; loại xe Sirius và 01 xe lô (xe ba gác) tự chế bằng kim loại thùng

xe có kích thước 1,6x1,05x0,4 m, cang xe dài 1,4 m, trục xe có đường kính 0,6 m, rộng 1,3 m, cao 0,35 m.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L và Hoàng Quang N 01 xe mô tô nhãn hiệu VIESTAR, màu sơn xanh (mất biển số) và 01 giấy đăng kí xe mô tô tên chủ xe Hoàng Quang N - 1975.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.840.000 đồng.

Vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, có số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2023 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử bị cáo Hồ Tá T, Hoàng Quang N và Trần Cảnh L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/9/2023); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA h. Lệ Thủy;
- Những người TGTT khác;
- UBND xã P, UBND TT L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA h. Lệ Thủy;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA h. Lệ Thủy;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

